

Số: 03/2026/CB-BMT.1135

Tây Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

V/v Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt
động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, Tư vấn thiết kế, Tư vấn giám sát, Nhà thầu thi công; các Tổ chức, Cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Thực hiện Công văn số 2635/SXD-VLXDMT ngày 12/03/2026 của Sở Xây dựng Tỉnh Tây Ninh về việc triển khai thực hiện việc công bố thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ.

Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301449021 đăng ký lần đầu ngày 22/03/1993, đăng ký sửa đổi lần thứ 25 ngày 23/05/2023, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính: Số 36 Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 39302322 Email: qlcl@bmt-group.vn Website: www.bmt-group.vn

Tên Phòng thí nghiệm: **Phòng Nghiên cứu Phát triển và Thí nghiệm, LAS-XD 1135**

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (nay là xã Bình Đức, tỉnh Tây Ninh)

2. Thông tin về năng lực của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
I.	THỬ NGHIỆM XI MĂNG (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Quang Tín, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Ngọc Tiến)		
1.	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605 : 2023; TCVN 4030 : 2003; TCVN 7024 : 2013; ASTM C184; ASTM C188; ASTM C204; ASTM C786; AASHTO T128; AASHTO T153; AASHTO T133; BS 4550; BS EN 196; JIS R 5201	Bộ sàng chuẩn, cân kỹ thuật chính xác 0.01g, khay trộn, muồng trộn. Sàng kích thước mắt 0.09, cân kỹ thuật (0.01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa, ...
2.	Xác định giới hạn bền uốn, nén	TCVN 6016 : 2011; TCVN 9844 : 2012 ASTM C109; ASTM C348; AASHTO T106; EN 196-1; BS 4550; JIS R 5201; ISO 679	Máy trộn, khuôn (4x4x16)cm, máy dầm (điển hình), máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén, ...
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017 : 2015; ASTM C187; ASTM C191; AASHTO T131; AASHTO T129; BS EN 196; JIS R 5201; ISO 9597	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật chính xác 0.01g, máy trộn, khuôn Lơ Satolie, ...
4.	Xác định lượng mất khi nung, Xác định hàm lượng SO ₃	TCVN 141 : 2008; TCVN 6820 : 2015 ; AASHTO T105; ASTM C114	Cân kỹ thuật (0.001g), chén sứ, lò nung, đồng hồ bấm giây, bình hút ẩm, Dung dịch HCl, AgNO ₃ , Na ₂ CO ₃ 5%, BaCl 10%, chén sứ, lò nung, bình hút ẩm, đồng hồ bấm giờ, cân kỹ thuật, ...
5.	Xác định độ nở sunphát của xi măng	TCVN 6068 : 2020; ASTM C452	Dụng cụ đo chiều dài thanh mẫu, khuôn (25x25x285mm), chày đầm mẫu, đồng hồ micromet, thanh chuẩn, khay ngâm mẫu, máy trộn hành tinh
II.	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Ngọc Sơn, Đặng Gia Hậu, Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Viết Hiệp, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Đình Thành, Lê Cơ, Nguyễn Ngọc Tiến, Nguyễn Xuân Lâm)		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
6.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2 : 2006; ASTM C136; AASHTO T27; AASHTO T37; BS EN 933-1; JIS A1102; BS 812-1	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn. Máy lắc sàng, tủ sấy 300°C, ...
7.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 : 2006; ASTM C127; ASTM C128; AASHTO T84; AASHTO T85; BS 812-2; EN 1097-6; EN 1097-7; JIS A 1109; JIS A 1110; JIS A 1111; TCVN 10321 : 2014	Cân kỹ thuật, tủ sấy 300°C. Bình dung tích bằng thủy tinh 1.05 lít-1.5 lít, thùng ngâm, khăn thấm nước, khay, côn độ sụt, bình hút ẩm, sàng 5mm và 140µm, cân thủy tĩnh, ...
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 : 2006; ASTM C127; AASHTO T85; BS EN 12390-7; BS 812-2; EN 1097-6,7; JIS A1109; JIS A1110; JIS A1111; TCVN 8735 : 2012	Cân phân tích, tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C, bộ sàng tiêu chuẩn, giấy nhám, đĩa thủy tinh, ...
9.	Xác định khối lượng thể tích xốp, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6 : 2006; ASTM C29; AASHTO T19; EN 1097-3; EN 1097-4; JIS A 1104	Thùng đóng kim loại: 1; 2; 5; 10; 20 (lít). Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại, thanh gỗ, ...
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 : 2006; ASTM C566; AASHTO T255; EN 1097-5; JIS A 1125	Cân kỹ thuật, tủ sấy, dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao), ...
11.	Xác định hàm lượng chung bụi bùn sét và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8 : 2006; ASTM C117; ASTM C142; AASHTO T11; AASHTO T112; EN 933-1; JIS A1103; JIS A1137	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính, que hoặc kim sắt nhỏ, ...
12.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 : 2006; AASHTO T21; ASTM C40; JIS A1105; JIS A1142	Ống hình trụ bằng thủy tinh, cân kỹ thuật, bếp cách thủy, sàng kích thước lỗ 20mm, thang màu, dung dịch: NaOH 3%, tananh 2%, rượu êtylic 1%
13.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 : 2006; ASTM D2938; ASTM C170; JIS M0302	Máy nén thủy lực, máy mài nước, chậu ngâm nước, máy khoan và máy cưa đá, ...
14.	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của đá dăm trong xi lanh	TCVN 7572-11 : 2006; BS 812 part 110	Máy nén thủy lực, cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, ...

14490
 NG T
 Ồ PH
 U XÂY
 B.M.
 TP. HỒ

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
15.	Xác định độ mài mòn Los Angeles và độ mài mòn Deval	TCVN 7572-12 : 2006; ASTM C131; ASTM C535; AASHTO T96; AASHTO T327; EN 1092-2; BS 812-113; JIS A1121	Thước kẹp, máy thử độ hao mòn Los Angeles, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, ...
16.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13 : 2006; AASHTO T335; ASTM D4791; EN 933-3 : 129; EN 933-4; EN 933-5; BS 812 part 105	Cân kỹ thuật, thước kẹp cái tiến, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy,...
17.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17 : 2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt, kim nhôm, búa con, ...
18.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18 : 2006; BS 812-110; ASTM D5821; JIS A1126	Cân kỹ thuật, kính lúp, sàng chuẩn, ...
19.	Xác định đương lượng cát (ES)	TCVN 14134-5 : 2024; ASTM D2419-9; AASHTO T176	Bộ xác định đương lượng cát,...
20.	Xác định độ bền hóa học trong dung dịch Na_2SO_4 hoặc MgSO_4	ASTM C88; AASHTO T104; BS 812-121; TCVN 7572-22 : 2018	Thuốc thử Na_2SO_4 hoặc MgSO_4 , cân kỹ thuật, cốc nung, lò nung, ...
21.	Xác định lượng vật liệu nhỏ hơn 75 μm bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-4 : 2024; AASHTO T11; ASTM C117	Cân điện tử, sàng, tủ sấy, ...
22.	Xác định thành phần hạt bằng phương pháp sàng khô	TCVN 14135-5 : 2024; AASHTO T27; ; ASTM C136	Cân điện tử, sàng, tủ sấy, ...
III.	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG & BÊ TÔNG NẶNG (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Quang Tín, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Ngọc Tiến)		
23.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106 : 2022; ASTM C143; AASHTO T119; BS EN 12350-2; JIS A 1101; ASTM C 143M	Côn thử độ sụt, que chọc, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại,...

21- C
Y
N
DỤNG
T
CHỈ N

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
24.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 : 2022; ASTM C232; AASHTO T121; EN 12350-6; JIS A1123; EN 480-4	Cân kỹ thuật, thước lá kim loại, bếp điện và thùng nấu paraffin, tủ sấy, ...
25.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109 : 2022; ASTM C232; AASHTO T158; EN 12350-4; EN 480-4; JIS A1123	Khuôn thép 200x200x200mm, bàn rung, que chọc, cân kỹ thuật, sàng 5mm, thước lá kim loại, ống đong 50-200ml, pipet 5ml, tủ sấy, khay sắt, ...
26.	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110 : 2022; AASHTO T152; ASTM C173	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, ...
27.	Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111 : 2022; AASHTO T152; ASTM C231; ASTM C173; BS EN 12350-7; IS A1128	Bình thử bọt khí, bàn rung, ...
28.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113 : 2022; ASTM C642; EN 12390-7;	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, khăn lau, ...
29.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115 : 2022; ASTM C642; EN 12390-7; AASHTO T121; BS 812; BS 18881; ASTM C29; ASTM C138; AASHTO T121	Thùng kim loại 5l-15l, thiết bị đầm, cân kỹ thuật, thước lá thép 400mm, ...
30.	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116 : 2022; ASTM C1585; ASTM C803/C803M; BS EN 12390-8; DIN 1048; TCVN 8219 : 2009	Bộ thí nghiệm thấm bê tông, khuôn, thước kẹp, đồng hồ, ...
31.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118 : 2022; ASTM C39; ASTM C42; AASHTO T22; AASHTO T140-7; AASHTO T24; EN 12390-3; EN 12504-1; JIS A1108; JIS A1107; AS 1012.9	Máy nén, thước lá kim loại, đệm truyền tải, ...
32.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022; ASTM C293; ASTM C78; AASHTO T97; AASHTO T177; EN 12390-5; JIS A1106; JIS A1114	Máy thử uốn, thước lá kim loại, ...
33.	Xác định cường độ bền kéo khi bẻ	TCVN 3120 : 2022; ASTM C496; AASHTO T198; EN 12390-6; JIS A1113	Máy thử uốn, thước lá kim loại, ...

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
34.	Thiết kế thành phần bê tông & vữa	778/1998/QĐ-BXD; TCVN 9382 : 2012; TCVN 10306 : 2014; ACI 221; ASTM C42; AASHTO T126; AASHTO T23; TCVN 3105 : 2022	Máy thử nén bê tông, bộ khuôn chuẩn, cối trộn mẫu, nhiệt kế,...
IV.	THỬ NGHIỆM VỮA XI MĂNG (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Quang Tín, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Ngọc Tiến)		
35.	Xác định kích thước hạt lớn nhất	TCVN 3121-1 : 2022; EN 1015-1	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, ...
36.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3 : 2022; ASTM C1437; ASTM C230; EN 1015; EN 13395	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bàn dẫn, khâu hình côn, ...
37.	Xác định độ chảy của vữa tươi	ASTM C939	Phễu đo độ chảy, đồng hồ bấm giây, ...
38.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6 : 2022; EN 445; EN 1015-6	Cân kỹ thuật, bình đong bằng kim loại, ...
39.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10 : 2022; EN 1015-10	Cân kỹ thuật, thước kẹp, cân thủy tĩnh, tủ sấy, ...
40.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11 : 2022; ASTM C349; EN 445; EN 1015-11; BS EN 196	Khuôn, chày đầm, máy nén vữa, máy thử uốn, thùng bảo dưỡng, ...
41.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18 : 2022; ASTM C1403; EN 1015-18,19	Cân kỹ thuật, thùng ngâm, tủ sấy, ...
42.	Xác định độ tách nước, độ trương nở của vữa	TCVN 9204 : 2012; ASTM C940	Ống đong thủy tinh 1000ml, ống đo thủy tinh 25ml, nhiệt kế, ...
V.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Quang Tín, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Ngọc Tiến)		

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
43.	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Chuẩn bị khô mẫu đất	TCVN 14134-1 : 2024	Cân kỹ thuật, cối, chày bọc cao su, bộ sàng, tủ sấy, thiết bị thùng quay, bộ chia mẫu,...
44.	Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Chuẩn bị ướt mẫu đất	TCVN 14134-1 : 2024; TCVN 14134-2 : 2024	Cân kỹ thuật, cối, chày bọc cao su, bộ sàng, tủ sấy, thiết bị thùng quay, bộ chia mẫu, dụng cụ chứa mẫu tránh mất ẩm, ...
45.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195 : 2012; AASHTO T100-06; ASTM D854; BS EN ISO 17892-3; JIS A1202	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối chày sứ, rây 2mm, bép cát, tủ sấy, tỷ trọng kế, thiết bị ổn nhiệt, bơm chân không, ...
46.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196 : 2012; AASHTO T217; AASHTO T265; AASHTO T239 ; ASTM D2216; ASTM D4959; ASTM D4643; BS EN ISO 17892-1; JIS A1203	Tủ sấy, cân kỹ thuật, cốc thủy tinh, bình hút ẩm, rây (1mm), cối chày sứ có đầu bọc cao su, khay phơi đất, cân phân tích, rây 0.5mm, cốc thủy tinh, bình hút ẩm, tủ sấy, ...
47.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; GOST-5184; AASHTO T89; AASHTO T90; ASTM D4318; BS1377-2; JIS A1205; TCVN 14134-4:2024	Bộ quả dọi thẳng bằng, tấm kính nhám, rây (1mm, 0.425mm), cối chày sứ, bình thủy tinh, cân kỹ thuật, cốc thủy tinh, tủ sấy, Casagrande
48.	Xác định thành phần hạt	TCVN 14134-3 : 2024; TCVN 4198 : 2014; AASHTO T88; AASHTO T27; AASHTO T11; ASTM C136; ASTM D1140; ASTM D422; ASTM D2487; BS EN ISO 17892-4; JIS A1204	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, cối chày sứ, tủ sấy, bình hút ẩm, máy sàng lắc, cân phân tích, tỷ trọng kế, bình tam giác (1000cm ³), nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm, ống hút (5cm ³ và 50cm ³), thước thép,...
49.	Thí nghiệm đầm nén đất, cấp phối đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201 : 2012; AASHTO T180; AASHTO T99; ASTM D698; ASTM D1557; BS 1377-4; TCVN 12790 : 2020	Cối đầm nén và dẫn búa bằng kim loại, cân kỹ thuật, sàng 4.75mm, 19mm, tủ sấy, hộp ẩm, cối chày sứ, khuôn đầm nén tiêu chuẩn & cải tiến, ...
50.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202 : 2012; ASTM D2937; ASTM D7263; AASHTO T204	Dao vòng bằng kim loại, cân kỹ thuật, tấm kính phẳng, hộp ẩm, tủ sấy,...
51.	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR)	AASHTO T193; BS 1377-4 : ; ASTM D1883; JIS A1211; TCVN 12792 : 2020; ASTM D3668	Máy nén CBR, cối đầm loại to (D=152.4 mm), chày đầm tiêu chuẩn, chày đầm cải tiến, cối CBR, tấm đệm, tấm đo trương nở, đồng hồ đo trương nở, giá đỡ, tấm gia tải, ...

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
52.	Xác định mô đun đàn hồi vật liệu	ASTM D1633; ASTM D1634; ASTM D1635; ASTM D2166; AASHTO T307; TCVN 9843 : 2013	Máy nén, thiên phân kế, bộ gá gắn thiên phân kế đo chuyển vị,...
53.	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất (cát) phương pháp lượng mất khi nung	AASHTO T267; ASTM D2974; TCVN 8726 : 2012	Lò nung, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giờ, chén sứ, sàng tiêu chuẩn, ...
54.	Thí nghiệm hàm lượng muối	TCVN 8727 : 2012; TCVN 9436 : 12 - Phụ lục D; TCVN 8727 : 2012	Cối chày bằng sứ, sàng 2.0mm-0.50mm, tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, bếp cách cát, ...
VI.	KIỂM TRA KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Quang Tín, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Ngọc Tiến)		
55.	Kim loại – Phương pháp thử kéo	TCVN 197-1 : 2014; TCVN 314 : 2008; TCVN 1824 : 1993; JIS Z2241; BS EN 1002-1; ASTM A370; ASTM E8; AASHTO T244; AASHTO T68M; AASHTO M270; AASHTO M160; ASTM F606M; TCVN 7937 : 2013; ISO 15630 : 2010; TCVN 13684-2 : 2023	Máy kéo uốn vạn năng 2000kN, thước kẹp, bộ đục dấu tạo lỗ, máy gia công mẫu thử, cân kỹ thuật, ...
56.	Kim loại – Phương pháp thử uốn	TCVN 198 : 2008; TCVN 1825 : 1993; ASTM A370; ASTM A438; ISO 7438; AASHTO T244; – ASTM E290; JIS Z2248; JIS X2247; TCVN 7937 : 2013; ISO 15630 : 2010	Máy kéo uốn vạn năng 2000kN, bộ gồi uốn chuẩn, máy gia công mẫu thử, cân kỹ thuật, ...
57.	Thử uốn thép gai	TCVN 6287 : 1997; ASTM A370; AASHTO T244; ASTM E290	Máy kéo uốn vạn năng 2000kN, bộ gồi uốn chuẩn, ...
58.	Mối hàn – Phương pháp thử uốn	TCVN 5401 : 2010; AWS D1.1-D1.5-D1.6; ASME Sec IX; JIS Z3040; JIS Z3122	Máy kéo uốn vạn năng 2000kN, bộ gồi uốn chuẩn, ...
59.	Mối hàn – Phương pháp thử kéo	TCVN 8311 : 2011; AASHTO T68; ASTM A WS D1.1/D1.1M : 10; ASTM E BPV code 2011; JIS Z3040	Máy kéo uốn vạn năng 2000kN, thước cặp, ...

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
60.	Thử kéo bulông, vít cây, đai ốc	TCVN 1916 : 1995; TCVN 197-1 : 2014; AASHTO T164; ASTM A370; BS EN 898-1	Máy kéo uốn vạn năng 2000kN, thước cặp, ...
61.	Thép cốt bê tông-mỗi nối bằng ống Ren	TCVN 8163 : 2009; TCVN 13711-2 : 2023; ISO 15835-2 : 2018	Máy kéo thép, thước kẹp, ...
VII.	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Ngọc Sơn, Đặng Gia Hậu, Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Viết Hiệp, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Đình Thành, Lê Cơ, Nguyễn Ngọc Tiên, Nguyễn Xuân Lãm)		
62.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1 : 2011; AASHTO T245; AASHTO T283; ASTM D1559; ASTM D6927; BS EN 12697-34	Máy nén marshall, khuôn gá mẫu kèm đồng hồ so, chậu đáy bằng, nhiệt kế, tủ ổn định nhiệt,...
63.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2 : 2011; AASHTO T164; ASTM D2172 ; BS EN 12697-1	Máy quay ly tâm, tủ sấy, bếp cát, bếp thủy chung, chén sứ, giấy lọc, các dung môi, ...
64.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3 : 2011; AASTTO T27; ASTM C136; BS EN 933-1; BS812 : 1; AASHTO T37	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, bát sứ (15- 25mm) , ...
65.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4 : 2011; AASHTO T209; ASTM D 4311; ASTM D 2041; BS EN 12697-5; AASHTO T275	Cân thủy tĩnh, chậu men, bình khối lượng riêng, cân kỹ thuật, máy hút chân không, nhiệt kế thủy ngân, chậu rửa, ống nhỏ giọt, ...
66.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5 : 2011; AASHTO T166; AASHTO T275; BS EN 12697-6; ASTM D2950; AASHTO T230; ASTM D 2726; AASHTO T209	Cân thủy tĩnh, các phụ kiện, chậu men, ...
67.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6 : 2011; AASHTO T305; ASTM D6390; TCVN 13048 : 2022 – Phụ lục B	Tủ sấy có thông gió (điều chỉnh được nhiệt độ), rọ đựng mẫu, đĩa kim loại bền nhiệt để hứng lượng nhựa chảy ra, cân kỹ thuật, chảo, bay, ...

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
68.	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu mịn, cốt liệu thô	TCVN 8860-7 : 2011; AASHTO T304; TCVN 11807 : 2017; AASHTO T362	Ổng đong, phễu, giá đỡ bằng kim loại, tấm kính, khay làm bằng kim loại, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật, ...
69.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8 : 2011; AASHTO T166; BS EN 12697-6; ASTM D3203; ASTM D2950; ASTM D2041; AASHTO T230	Máy khoan, cân kỹ thuật, thước kẹp, ...
70.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9 : 2011; ASTM D3203; BS EN 12697-6	Cân kỹ thuật, ...
71.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10 : 2011; ASTM D320; BS EN 12697-6; AASHTO T269	Cân kỹ thuật, ...
72.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11 : 2011; ASTM D3203; BS EN 12697-6; AASHTO T269	Cân kỹ thuật, ...
73.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12 : 2011; AASHTO T245; ASTM D1559; ASTM D6927; BS EN 12697-34; BS 598 : 107	Máy nén Marshall, khuôn gá kiểu Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, chậu đáy bằng (8-10l cao 150mm), nhiệt kế, nước sôi và nước lạnh, bình ổn định nhiệt, ...
74.	Xác định mối bê tông nhựa	TCVN 12579 : 2019; AASHTO T321; EN 12697-24; EN 12697-26	Máy thí nghiệm mối 4 điểm, thiết bị đầm lặn, tủ sấy, cân điện tử, ...
75.	Xác định hệ số thấm bê tông nhựa trong phòng	TCVN 11634-1; ASTM PS129	Cân kỹ thuật, bể điều lạnh, máy nén, gá nén, bể ổn nhiệt, máy hút chân không, khuôn mẫu, nhiệt kế, giấy bóng, ...
76.	Xác định độ sâu vết hằn bánh xe (thí nghiệm ở 2 môi trường không khí và môi trường nước)	Quyết định số 1617/QĐ-BGTVT, ngày 29/4/2014; AASHTO T324; AASHTO T312; TCVN 11782 : 2017; TCVN 13899 : 2023; BS EN 12697-22; AASHTO T0719	Máy xác định độ sâu vết hằn bánh xe, thiết bị đầm lặn bánh thép, máy trộn BTN, khuôn chứa mẫu thử, cân kỹ thuật, ...
77.	Xác định độ rỗng liên thông	TCVN 13048 : 2024 - Phụ lục C	Cân kỹ thuật, thước kẹp, ...



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
78.	Thí nghiệm kéo gián tiếp bằng phương pháp ép chẻ; xác định tỷ số TSR	TCVN 8862 : 2011; ASTM D6931; BS EN 12697-23; AASHTO T283	Máy kéo nén đa năng, bộ gá mẫu, tủ ổn định nhiệt, nhiệt kế, bình hút chân không, thiết bị đo lực, tủ đông, ...
79.	Thí nghiệm cường độ chịu kéo bằng phương pháp uốn mẫu đầm	22 TCN 211-06; AASHTO T313	Máy kéo nén đa năng, bộ gá mẫu, ...
80.	Chiều dày màng nhựa	TCVN 12759-1 : 2019	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, bát sứ (15- 25mm), bình khối lượng riêng, tủ sấy, nhiệt kế, chậu, nước cất, ...
81.	Thí nghiệm mô đun đàn hồi của BTN	22 TCN 211-06; ASTM D4123; AASHTO TP31	Máy kéo nén đa năng, bộ gá mẫu, tủ bảo dưỡng mẫu, ...
82.	Phương pháp thử nghiệm độ hao mòn Cantabro	TCVN 11415 : 2016; ASTM D7064	Máy mài mòn Los Angeles, thiết bị đầm Marshall, cân kỹ thuật, tủ sấy, bể ổn định nhiệt, nhiệt kế, thước kẹp, ...
83.	Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu bê tông nhựa đã đầm chặt	TCVN 12914 : 2020; AASHTO T283; AASHTO T167; AASHTO T315 ASTM D4867/D4867M	Máy đầm Marshall, máy nén Marshall, khuôn, bộ phận gia tải, bình hút chân không, tủ sấy, tủ lạnh, cân,...
84.	Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế cấp phối theo phương pháp Marshall	TCVN 8820 : 2011	Máy trộn bê tông nhựa, máy đầm, cân kỹ thuật, nhiệt kế, máy nén, ...
85.	Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật để thiết kế cấp phối theo phương pháp Superpave; chế bị và thí nghiệm độ chặt BTN bằng đầm xoay Superpave	AASHTO T312; TCVN 12817 : 2019	Máy đầm xoay, máy trộn bê tông nhựa, ...
86.	Thiết kế BTN siêu mỏng tạo nhám; BTN mỏng tạo nhám	TCVN 12759-1 : 2020; TCVN 12759-2 : 2020	Máy trộn bê tông nhựa, máy đầm, cân kỹ thuật, nhiệt kế, máy nén, ...

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
87.	Thiết kế BTN rỗng thoát nước	TCVN 13048 : 2024	Máy trộn bê tông nhựa, máy đầm, cân kỹ thuật, nhiệt kế, máy nén, ...
88.	Kiểm tra độ chặt mặt đường BTN bằng thiết bị điện từ tiếp xúc bề mặt	AASHTO T343-12; ASTM D7113; TCVN 13348 : 2021	Thiết bị cảm biến điện từ, máy khoan, ...
89.	Thiết kế thành phần hỗn hợp tái sinh nguội; Cường độ chịu nén, Biến dạng chính, 1/100cm và phần trăm cường độ còn lại; Tỷ số giãn nở nhỏ nhất (ER), chu kỳ bán hủy ngắn nhất ($\pi \frac{1}{2}$) và đặt tính tạo bọt của bitum	TCVN 13150-1 : 2020; TCVN 13150-2 : 2020; Phụ lục A tại QĐ số 2599/QĐ-BGTVT ngày 07/09/2017;	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy kéo nén đa năng, bộ gá mẫu, than nhúng đã định cỡ, đồng hồ bấm giây, cân điện tử, khuôn đúc mẫu, ...
90.	Cường độ ngắn hạn (STS)	ASTM D1560	Thiết bị đầm xoay, tủ bảo dưỡng mẫu, thiết bị đo độ dính kết Hveem, ...
VIII.	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Ngọc Sơn, Đặng Gia Hậu, Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Viết Hiệp, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Đình Thành, Lê Cơ, Nguyễn Ngọc Tiến, Nguyễn Xuân Lãm)		
91.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495 : 2005; ASTM D5; AASHTO T49; BS EN 1426; BS 2000	Máy đo độ kim lún, đồng hồ bấm dây, nhiệt kế, chậu nhôm đáy phẳng, chậu đựng nước, ...
92.	Xác định độ giãn dài	TCVN 7496 : 2005; AASHTO T151; ASTM D113; BS 2000; AASHTO T283; ASTM D113	Máy kéo giãn dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế, chậu đựng nước, dao cắt nhựa, ...
93.	Xác định nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497 : 2005; AASHTO T53; ASTM D36; BS EN 1427; BS 2000	Khuôn tròn, bi tròn, khuôn treo, bình thủy tinh, dao cắt, nhiệt kế, đèn cồn, ...
94.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy	TCVN 7498 : 2005; AASHTO T48; BS 2000-36; ASTM D92	Giá có vòng đỡ, các chén sắt, nhiệt kế, đèn cồn, đồng hồ bấm giây

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
95.	Xác định lượng tổn thất sau khi khi gia nhiệt	TCVN 7499 : 2005; AASHTO T47; ASTM D6; AASHTO T179; AASHTO T240; ASTM D1754; ASTM D2872	Cân kỹ thuật, tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu, ...
96.	Xác định hàm lượng hòa tan trong Trichloroethylene hoặc N-Propyl Bromide	TCVN 7500 : 2005; AASHTO T44; ASTM D2042; ASTM D7553; BS 2000-47	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình erlenmeyer, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích, ...
97.	Xác định khối lượng riêng 25°C	TCVN 7501 : 2005; ASTM D70; AASHTO T228	Bình khối lượng thể tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, chậu, nước cất, nước đá.
98.	Xác định độ nhớt động	TCVN 7502 : 2005; ASTM D2170; EN 12596; AASHTO T202; JAA-001.	Máy đo nhớt, nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giây,...
99.	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503 : 2005; EN 12606-1 DIN-52015; ASTM D3235	Thuốc thử: etoxyeten (ete dietyl), etanol, etanol, cacbon dioxit, cồn dầu mỏ, băng đá, tủ sấy, nhiệt kế, bình chưng cất, vòng kim loại bảo vệ có đường kính trong 18mm và đường kính ngoài 65mm, bình erlenmeyer 100ml, bình lọc 500ml, bể làm lạnh, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, nồi sứ, giấy lọc, đồng hồ bấm giờ, ...
100.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504 : 2005; AASHTO T182; ASTM D3625	Cốc mỏ 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, giá treo, ...
101.	Xác định độ đàn hồi của nhựa đường polime	TCVN 11194 : 2017; AASHTO T301; ASTM D6084; ASTM D140; ASTM D113	Khuôn mẫu, máy kéo, kéo cắt, thước lá, tấm đáy, dụng cụ gia nhiệt, bể ổn nhiệt, ...
102.	Xác định độ ổn định lưu trữ của nhựa đường polime	TCVN 11195 : 2017; ASTM D5892	Ổng nhôm, thiết bị làm lạnh, tủ sấy, dao cắt, búa, thiết bị làm hóa mềm, ...
103.	Xác định độ nhớt bằng nhớt kế Brookfield	TCVN 11196 : 2017; ASTM D4402	Nhớt kế Brookfield, con thoi, bộ tạo mô men xoắn, bộ gia nhiệt, ống đựng, ...

11449
ÔNG
: Ô PH
TUXA
B.M
? TP. H

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
104.	Độ dai của nhựa đường Polime 25°C	ASTM D5801	Máy kéo DTS, tủ sấy, khuôn, giá đỡ hình nhện, đầu căng, nhiệt kế, tủ sấy, ...
105.	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng xoay (RTFOT)	TCVN 11710 : 2017; AASHTO T240; EN 12607-1	Tủ sấy đôi lưu, lưu lượng kế, nhiệt kế, cốc đựng mẫu, cân kỹ thuật, giá làm mát, ống ni-vô,...
106.	Xác định ảnh hưởng của nhiệt và không khí bằng phương pháp sấy màng mỏng (TFOT)	TCVN 11711 : 2017; ASTM D1754; AASHTO T179	Tủ sấy giá quay, nhiệt kế, đĩa đựng mẫu, cân kỹ thuật, ...
107.	Xác định thành phần SARA trong nhựa đường	ASTM D4124	Cột Chromatographic bằng thủy tinh, máy tách dung môi Rotavapor, nitơ, máy hút chân không, tủ sấy, cốc đông có vạch chia, bình tam giác, cân phân tích, ống chiết suất, que khuấy, ...
108.	Thu hồi nhựa theo phương pháp Abson	TCVN 11633 : 2017; AASHTO T170; ASTM D1856	Dụng cụ thí nghiệm chưng cất, dung môi, máy quay ly tâm, bình khí CO ₂ , ...
109.	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5 : 2025; ASTM D140; EN 12595; AASHTO D977	Nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, đồng hồ bấm giây, máy hút chân không, ...
110.	Xác định chỉ số độ kim lún PI	TCVN 13567-1 : 2022 - Phụ lục A.2	Máy đo độ kim lún, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế, chậu nhôm đáy phẳng, cốc đồng, ...
111.	Xác định cắt động lưu biến (DSR)	TCVN 11808 : 2017; AASHTO T315; AASHTO TP5; ASTM D7175; BS EN 14770	Thiết bị đo, khuôn mẫu, kéo gọt mẫu, bếp điện, cân kỹ thuật, ...
112.	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Phương pháp xác định hoặc kiểm tra cấp nhựa đường	AASHTO R28; AASHTO R29; AASHTO R35; TCVN 11808 : 2017; TCVN 11781 : 2017	Lưu biến kế, đĩa DSR, bể ổn nhiệt, nhiệt kế DSR, bộ gia tải, thiết bị đo, khuôn tạo mẫu, ...

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
113.	Xác định đặc tính đặc tính chống nứt ở nhiệt độ thấp bằng phương pháp kéo trực tiếp (DT)	TCVN 11712 : 2017; AASHTO T314	Hệ thiết bị thử nghiệm DT, khuôn mẫu, tủ lạnh, lò sấy, ...
114.	Lão hóa nhanh nhựa đường bằng bình áp lực – Pressure Aging Vessel (PAV)	AASHTO R28; ASTM D6521	Tủ áp suất PAV, ...
115.	Độ cứng nhựa đường chống uốn từ biên bằng lưu kế dầm chịu uốn (BBR)	TCVN 11781 : 2017; AASHTO T313	Hệ thống thử nghiệm lưu biến kế dầm chịu uốn (BBR), ...
IX.	THỬ NGHIỆM NHỰA ĐƯỜNG LỎNG (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Ngọc Sơn, Đặng Gia Hậu, Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Viết Hiệp, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Đình Thành, Lê Cơ, Nguyễn Ngọc Tiên, Nguyễn Xuân Lãm)		
116.	Độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2 : 2011; AASHTO T72; AASHTO T54; ASTM D244; ASTM D940; ASTM D1665; ASTM D88; BS 2000	Nhớt kế Saybolt Furol, phễu lọc, nhiệt kế, bể ổn định nhiệt, pi-pét, đồng hồ bấm giây, ...
117.	Nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2 : 2025; ASTM D3143; AASHTO T79	Giá có vòng đỡ, các chén sắt, nhiệt kế, đèn cồn, đồng hồ bấm giây, ...
118.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3 : 2025; ASTM D95; AASHTO T55	Nồi chưng cất, thiết bị gia nhiệt, ống dẫn thủy tinh, ống hứng thủy tinh, hình trụ tròn thể tích 100ml, nhiệt kế, cân kỹ thuật, ...
119.	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4 : 2025; ASTM D3143; AASHTO T79	Bình chưng cất, ống ngưng thủy tinh, ống dẫn thủy tinh, ống đóng thủy tinh, giá đỡ vỏ chân-bình chưng cất, nhiệt kế, cân kỹ thuật, ...



TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
120.	Độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5 : 2025; ASTM D2170; EN 12595; AASHTO D977; ASTM D140	Nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt; đồng hồ bấm giây, ...
121.	Độ nhớt động lực	TCVN 7502 : 2005; ASTM D2171; EN 12596	Nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt; đồng hồ bấm giây, ...
X.	THỬ NGHIỆM NHỮ TƯƠNG VÀ NHỮ TƯƠNG POLYME GÓC AXÍT (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm : Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Ngọc Sơn, Đặng Gia Hậu, Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Việt Hiệp, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Đình Thành, Lê Cơ, Nguyễn Ngọc Tiến, Nguyễn Xuân Lãm)		
122.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2 : 2011; AASHTO T72; AASHTO T54; ASTM D244; ASTM D940; ASTM D1665; ASTM D88; BS 2000	Nhớt kế Saybolt Furol, phễu lọc, nhiệt kế, bể ổn định nhiệt, pi-pét, đồng hồ bấm giây, ...
123.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3 : 2011; ASTM D244; AASHTO T59; AASHTO T72; ASTM D6930	Cân kỹ thuật, tủ sấy, cốc mẫu, nhiệt kế, pi pet, thìa khuấy, ...
124.	Xác định lượng hạt quá cỡ (thí nghiệm sàng)	TCVN 8817-4 : 2011; ASTM D244; AASHTO T59; ASTM D6933	Ổng đựng mẫu và giá đựng mẫu, kẹp kẹp mẫu, găng tay, bể ổn nhiệt, ống pipét, phễu lọc, sàng chuẩn, cân kỹ thuật, ...
125.	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5 : 2011; ASTM D244; AASHTO T59; ASTM D88	Nguồn một chiều 12V, điện cực (2 tấm thép không rỉ), mili ampe kế, bộ phận cách điện, cốc thủy tinh dung tích 250 ml, thanh đỡ làm bằng thủy tinh, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây, nước cất, ...
126.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6 : 2011; ASTM D244; AASHTO T59; ASTM D6936	Bể ổn nhiệt, lưới sàng 1.40mm, cốc kim loại 600 ml, thìa kim loại đường kính 10mm, buret tích 50ml, cân kỹ thuật, tủ sấy, dung dịch CaCl ₂ 1,11g/l, dung dịch CaCl ₂ 5.55g/l, ...
127.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7 : 2011; ASTM D244; ASTM C115	Ổng đựng mẫu và giá đựng mẫu, găng tay, bể ổn nhiệt, pipét, phễu lọc, sàng chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, ...

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
128.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8 : 2011; ASTM D244; ASTM E11	Cốc mỏ 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, giá treo, hệ thống phun nước, nhiệt kế, cân kỹ thuật, ống pi pét, ...
129.	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9 : 2011; ASTM D244	Nồi chưng cất bằng hợp kim nhôm, nhiệt kế, ống dẫn, bộ phận gia nhiệt, ống đông, cân kỹ thuật, ống nối, sàng tiêu chuẩn, ...
130.	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10 : 2011; ASTM D244	Cốc thủy tinh 1000ml, đĩa thủy tinh, cân kỹ thuật, tủ sấy, sàng tiêu chuẩn, ...
131.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích nhanh	TCVN 8817-11 : 2011; ASTM D244	Cốc trộn, cốc rửa, dao trộn, tủ sấy, cân kỹ thuật, nhiệt kế, ống đông, ...
132.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích chậm	TCVN 8817-12 : 2011; ASTM D244	Đèn Busen, tấm kim loại, sàng (lỗ vuông 0.85mm), cốc trộn, cốc rửa, dao trộn, tủ sấy, cân kỹ thuật, nhiệt kế, cát chuẩn, ...
133.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13 : 2011; ASTM D244	Cốc thủy tinh 400ml, ống đông 100ml, ống đông 200ml, nhiệt kế, đĩa thủy tinh, nước cất, ...
134.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14 : 2011; ASTM D244	Cốc thủy tinh 400ml, ống đông dung tích 100ml-200ml, nhiệt kế thủy ngân, đĩa thủy tinh, cân kỹ thuật, bể ổn nhiệt, ...
135.	Xác định độ dính bám với cốt liệu ở hiện trường	TCVN 8817-15 : 2011; ASTM D244	Cốc kim loại dung tích 500ml, chảo dung tích từ 2500ml đến 3000ml, ống đông 50ml, dao trộn, sàng lỗ vuông 19mm, ...
136.	Xác định độ đàn hồi ở 25°C, mẫu kéo dài 20cm	AASHTO T301; ASTM D6084	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế, chậu đựng nước (15l), bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa, ...
137.	Thời gian thấm vào vật liệu tiêu chuẩn	TCVN 14270:2024 – Phụ lục A	Cân điện tử, tủ sấy, cát tiêu chuẩn, đồng hồ bấm giây,...
138.	Chiều sâu thấm vào vật liệu tiêu chuẩn	TCVN 14270:2024 – Phụ lục A	Cân điện tử, tủ sấy, cát tiêu chuẩn, đồng hồ bấm giây,...

03014
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN MINH
VIỆT NAM
B.1
TR. 3

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
XI.	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BỘT KHOÁNG TRONG BTN (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Phạm Ngọc Sơn, Đặng Gia Hậu, Nguyễn Quang Tín, Nguyễn Viết Hiệp, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Đình Thành, Lê Cơ, Nguyễn Ngọc Tiến, Nguyễn Xuân Lãm)		
139.	- Hình dáng bên ngoài - Thành phần hạt - Hệ số thích nước - Khối lượng riêng - Độ ẩm - Chỉ số dẻo	TCVN 12884-2 : 2020; TCVN 8735 : 2012; AASHTO T11; AASHTO T27; ASTM C136; AASHTO T21; AASHTO T37; AASHTO T100; AASHTO T255	Kính lúp, tủ sấy, cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, chày đầu bịt cao su, bình hút ẩm, bình tỷ trọng, máy hút chân không, nhiệt kế, lò nung, bát sắt, bát sứ, ...
XII.	THÍ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG (Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Trần Kim Huy, Lê Vũ Nam, Lương Văn Hùng, Doãn Văn Hội, Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Quang Tín, Hồ Sỹ Hải, Nguyễn Ngọc Tiến)		
140.	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp dao đại	TCVN 8728 : 2012; TCVN 8729 : 2012; TCVN 8730 : 2012; TCVN 12791; AASHTO T204; ASTM D2937	Dao vòng, búa, bay, cân điện tử (độ chính xác 0,1g, 0,01g), dụng cụ chứa mẫu, ...
141.	Xác định khối lượng thể tích bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346-06; ASTM D1556; AASHTO T191; BS 1377-9	Phễu rót cát, cát chuẩn, cân điện tử (độ chính xác 0,1g, 0,01g), búa, đục, cọ, muồng, ...
142.	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864 : 2011; ASTM E950; ASTM E1082	Thước 3m, nôm, ...
143.	Xác định mô đun đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861 : 2011; AASHTO T221; ASTM D1195	Xe tải, kích gia tải, hệ dầm, đồng hồ thiên phân kế, bộ tấm ép, giá long môn, bay, ...
144.	Xác định mô đun đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867 : 2025; AASHTO T256; ASTM D4695	Cần Belkenman, kích gia tải, đồng hồ thiên phân kế, giấy ô ly, nhiệt kế, xe tải chuẩn, ...
145.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 : 2011; ASTM D965	Ống đồng, bàn xoa, thước thép,...

19021-
3 TY
HÀN
AY DƯ
M.T
HỒ C

TT	Tên-chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm (*)	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
146.	Phương pháp đo và đánh giá độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011; ASTM E950; ASTM E1082; AASHTO T286	Thiết bị IRI, xe ô tô, máy tính,...
147.	Xác định sức kháng trượt của mặt đường bằng phương pháp con lăn Anh	AASHTO T278; ASTM E303; TCVN 10271 : 2014	Thiết bị đo con lăn Anh, nhiệt kế, chổi lông, thước, ...
148.	Xác định hệ số thấm bê tông nhựa tại hiện trường	TCVN 11634-2	Thùng đong định mức, đồng hồ bấm giây, ...
149.	Xác định hàm lượng, độ đồng đều nhựa tươi	TCVN 8863:2011	Cân điện tử, khay hứng, bao tay,...
150.	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398 : 2012	Máy thủy bình, máy kinh vĩ, máy toàn đạc, ...
151.	Quan trắc lún công trình	TCVN 9400 : 2012	Máy thủy bình, kinh vĩ, máy toàn đạc, ...
152.	Đo lún công trình	TCVN 9360 : 2012	Máy thủy bình, máy kinh vĩ, máy toàn đạc, ...

(*) Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG B.M.T
TU QUẢN GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Hùng